

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST.
Ngày: 30-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng -
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Lơ
Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST–DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng – vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST – DS ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 11/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm S** - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, Số U, phường CN, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phan Đ**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm E, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê L, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm U, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Đ trình bày:

Giữa ngân hàng B và ông Lê L, sinh năm 1983 địa chỉ cư trú tại khóm U, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có thỏa thuận với nhau ký các hợp đồng tín

dụng. Đối với hợp đồng tín dụng số HD00220071704883 ngày 27/7/2017, ngân hàng B chi nhánh S, phòng giao dịch N đã cấp tín dụng cho ông Lê L vay số tiền 95.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay: 05 năm tính từ ngày 25/7/2017; phương thức cho vay: Từng lần; Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ gia dụng; Kỳ hạn trả nợ gốc, thời gian ân hạn: Phân làm 60 phân kỳ trả nợ. 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.584.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.544.000 đồng vào ngày hết hạn hợp đồng, không ân hạn. Lãi suất cho vay là 12,5%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả: bằng 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng này thì ông L đã thanh toán cho ngân hàng B tổng số tiền 54.801.831 đồng trong đó vốn gốc là 36.432.000 đồng và tiền lãi 18.369.831 đồng; đến ngày 16/10/2019 thì ông L ngưng bắt đầu ngưng đóng trả vốn và lãi cho ngân hàng B nên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/11/2019. Như vậy, ông L còn nợ lại Ngân hàng B số tiền vốn là 58.568.000 đồng và tính đến ngày xét xử lãi trong hạn là 8.270.286đ, lãi quá hạn là 3.558.304đ.

Đối với hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1080A/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 12/9/2016, ngân hàng B chi nhánh S đã cấp tín dụng cho ông L vay số tiền 70.000.000 đồng. Với các điều kiện thỏa thuận như sau: thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày 13/9/2016 đến ngày 13/9/2021; phương thức cho vay: Từng lần; Bên vay sử dụng số vốn vào mục đích: Tiêu dùng hợp pháp; Kỳ hạn trả nợ gốc: gốc được chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ một 01 tháng, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.170.000 đồng cố định vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 970.000 đồng vào ngày hợp đồng tín dụng hết hạn; kỳ hạn trả lãi: Lãi vay được trả vào ngày 10 hàng tháng cùng với tiền gốc, lãi vay tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất cho vay là 12%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên cơ sở một năm có 360 ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã thanh toán cho ngân hàng B số tiền 55.737.749 đồng trong đó vốn gốc là 36.610.000 đồng và tiền lãi 17.127.749 đồng; khoản vay này đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/7/2019. Như vậy, ông L còn nợ lại Ngân hàng B số tiền vốn là 31.390.000 đồng và tính đến ngày xét xử lãi trong hạn là 4.173.521đ, lãi quá hạn là 3.917.160đ.

Nay ngân hàng B yêu cầu ông Lê L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử 30/3/2021 là 109.877.271 đồng, trong đó vốn gốc là 89.958.000 đồng và tiền lãi là 19.919.271đồng. Kể từ ngày 31/3/2021 ông L còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Lê L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông L được biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông L vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đại diện nguyên đơn ông Đ tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 1080A/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 12/9/2016 và hợp đồng tín dụng số HD00220071704883 ngày 27/7/2017 thể hiện ông Lê L có vay của Ngân hàng B số tiền 165.000.000 đồng. Thỏa thuận hai hợp đồng như sau: thời hạn cho vay: 60 tháng (05 năm) kể từ ngày vay; phương thức cho vay: Từng lần; Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích: sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng gia đình và tiêu dùng. Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ trả nợ là 01 tháng, ấn định vào ngày 10 hàng tháng. Lãi suất cho vay của hợp đồng tín dụng số 1080A/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 12/9/2016 là 12%/năm; Lãi suất cho vay của hợp đồng tín dụng số HD00220071704883 ngày 27/7/2017 là 12,5%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả: bằng 10%/năm. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng ông L đã thanh toán cho Ngân hàng B đối với hợp đồng tín dụng ngày 12/9/2016 số tiền 55.737.749 đồng thì ngưng nên khoản vay này đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/7/2019. Còn đối với hợp đồng tín dụng ngày 27/7/2017 ông L đã thanh toán số tiền 54.801.831 đồng thì ngưng nên khoản vay này đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/11/2019. Như vậy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 9 của các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Lê L thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu này của Ngân hàng B được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền ông Lê L còn phải thanh toán cho Ngân hàng B tính đến ngày 30/3/2021 (ngày xét xử) tổng cộng là 109.877.271 đồng, trong đó vốn gốc là 89.958.000 đồng và tiền lãi là 19.919.271 đồng. Kể từ ngày 31/3/2021 ông L còn phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc với mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $109.877.271 \text{ đồng} \times 5\% = 5.493.800 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Lê L trả tiền vay.

Buộc ông Lê L trả cho Ngân hàng B số tiền vốn gốc 89.958.0000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/3/2021 (ngày xét xử) 19.919.271 đồng. Tổng cộng là 109.877.271 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng*).

Kể từ ngày 31/3/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1080A/2016/HĐTD/CNSocTrang ngày 12/9/2016 và hợp đồng tín dụng số HD00220071704883 ngày 27/7/2017.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê L chịu án phí là 5.493.800đồng (*Năm triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm đồng*). Ngân hàng B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.660.000đồng (*Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007632 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng